

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 29/2024/HS-ST
Ngày 13-6-2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt - Nghề nghiệp: Phó Bí thường trực Đảng ủy phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

2. Ông Nguyễn Bá Điền - Nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thương vụ lý số 25/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2024/HSST-QĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Xuân N - sinh ngày 19/8/2005 tại huyện T, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ - sinh năm 1981 và bà Vũ Thị Thanh H - sinh năm 1986; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Tạm giữ từ ngày 13/11/2023 đến ngày 18/11/2023 thì áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Đỗ Trọng T - sinh năm 1992

Địa chỉ: Khu 6, xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ

(Vắng mặt)

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Bá T - sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn V, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh

(Vắng mặt)

2. Chị Phan Thị Thu T1 - sinh năm 2003

Địa chỉ: Số nhà 65B, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội
(Vắng mặt)

3. Chị Nguyễn Thị C - sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội
(Vắng mặt)

4. Anh Trần Anh Đ - sinh năm 1970

Địa chỉ: Khu đô Thị M, tổ dân phố 4, phường M, quận N, thành phố Hà
Nội
(Vắng mặt)

5. Anh Nguyễn Đức P - sinh năm 1988

Địa chỉ: Xóm Q, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An
(Vắng mặt)

6. Ông Lê Việt P - sinh năm 1958

Địa chỉ: 386C1, khu vực 2, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ
(Vắng mặt)

7. Chị Phạm Thị H - sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện T, thành phố Hà Nội
(Vắng mặt)

8. Anh Nguyễn Cao T3 - sinh năm 1995

Địa chỉ: Số 616 lầu 1 T, tổ dân phố 38, khu phố 6, phường 14, quận 5,
thành phố Hồ Chí Minh
(Vắng mặt)

9. Anh Trần Nhật V - sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp P1, xã P, huyện C, tỉnh Long An
(Vắng mặt)

10. Cháu Nguyễn Đức T5 - sinh ngày 26/7/2006

Người đại diện cho cháu Trú: Anh Nguyễn Đức T4 - sinh năm 1979 (là bố
đẻ của cháu T5)

Đều địa chỉ: Xóm 6, xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.
(Vắng mặt)

11. Anh Nguyễn Thanh T - sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ 27A, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

(Chỗ ở: Phòng C4 - T11 chung cư 335 đường C, phường D, quận C, thành phố Hà Nội)

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có công ăn việc làm ổn định và cần tiền tiêu sài cho bản thân nên Trần Xuân N - sinh năm 2005, trú tại khu 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ tự truy cập các T1 mạng xã hội tìm hiểu cách kiếm tiền và đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bằng hình thức Thông qua kênh Youtube và mạng xã hội Zalo để lừa bán kết quả số lô, số đề cho những người khác.

Để thực hiện được hành vi lừa đảo, N tự đăng ký và tạo lập 01 kênh Youtube có tên “*Cao nhân số học I*”, địa chỉ Gmail đăng ký là solosode8998@gmail.com, mật khẩu đăng nhập là “Nhatdz112@” và sử dụng sim rác để lập 02 tài khoản zalo là “An Nguyen” và “*Triệu Yến Nhi*” với mục đích để liên lạc với những người có nhu cầu mua số lô, số đề của N. Sau khi đăng ký kênh Youtube, N sử dụng máy tính xách tay cá nhân nhãn hiệu ACER màu đen để tự tạo ra các video dự báo kết quả số lô, số đề mở thưởng hàng ngày trước giờ công bố kết quả của Nhà nước để đánh lừa mọi người là N biết trước kết quả để người khác tin tưởng mà mua kết quả số lô, số đề do N đưa ra. Hàng ngày, sau khi có kết quả quay thưởng xổ số kiến thiết miền Bắc, N sử dụng máy tính để làm các video (*dưới hình thức quay lại màn hình, Thu âm bằng giọng đọc của mình*) để phân tích kết quả xổ số miền Bắc trong ngày bằng cách tự nghĩ ra các đường cầu số, tự đưa ra quy luật của các số lô, số đề này. Sau đó, N để lại số điện thoại đăng ký 2 tài khoản zalo trên để người xem video có thể liên lạc với N qua tin nhắn Zalo hoặc liên hệ trực tiếp với N để được tư vấn mua các số lô, số đề. Khi khách hàng muốn tư vấn mua số lô, số đề, N thỏa thuận với hai hình thức như sau: Nếu mua theo ngày thì giá từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng/ 1 ngày, còn nếu mua theo tuần thì giá là 4.000.000 đồng/ 1 tuần và phải chuyển tiền trước 100% qua chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng do N quản lý, sử dụng là tài khoản 19050069090018, Ngân hàng Techcombank mang tên Nguyễn Đức T5. Sau khi nhận được tiền, khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày N tự nghĩ ra một cặp số ngẫu nhiên gọi là số lô hoặc số đề rồi gửi cho người mua (*tùy người mua muốn mua số lô, hoặc số đề*). Nếu cặp số lô trùng với 02 số cuối của một hoặc nhiều giải hoặc cặp số đề trùng với 02 số cuối của giải đặc biệt kết quả mở thưởng xổ số miền Bắc trong ngày thì những ngày hôm sau N sẽ tiếp tục mời người chơi chuyển tiền tham gia. Nếu không trùng với 02 số cuối của các giải trong kết quả quay thưởng xổ số miền Bắc trong ngày N sẽ nói với người mua số là do hôm nay đen, gãy cầu và hứa hẹn hôm sau sẽ cho số chuẩn hoặc chặn luôn liên lạc với người đã mua số lô, số đề.

Với phương thức thủ đoạn nêu trên, ngày 01/11/2023, Trần Xuân N đã lừa đảo chiếm đoạt của anh Đỗ Trọng T - sinh năm: 1992; địa chỉ: Khu 6, xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) để mua kết quả số lô, đề theo tuần, cụ thể: Sau khi truy cập vào kênh Youtube của N để xem quảng cáo bán số lô, số đề, tin tưởng là N biết trước kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc nên anh Tuấn đã liên hệ và được N hứa hẹn sẽ cho những cặp số lô, số đề đảm bảo trúng thưởng 100%, nếu không N sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm. Anh Tuấn đồng ý mua theo tuần thì N yêu cầu phải chuyển 100% tiền mua cho N với số tiền là 4.000.000 đồng vào tài khoản 19050069090018 của Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam (Techcombank) mang tên Nguyễn Đức T5 thì N mới cho số. Anh Tuấn đã đưa tiền mặt và nhờ anh Nguyễn Thanh T - sinh năm 1990, địa chỉ: Tổ 27A, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (chỗ ở hiện nay: Phòng C4 - T11 chung cư 335 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) chuyển khoản cho N số tiền trên và ngày 01/11/2023, Tuấn được N cho 02 cặp số lô tô là số 63 và số 26. Sau khi được N cho số, anh Tuấn đã ra đại lý bán vé số xổ Miền Bắc mua các tờ vé số có hai số cuối trùng với hai cặp số là 63 và 26, tuy nhiên kết quả mở thưởng cùng ngày không có cặp số nào trùng với số N đã cho nên anh Tuấn không trúng thưởng. Anh Tuấn liên lạc lại với N thì N thườngách thức anh Tuấn rồi chặn liên lạc với anh Tuấn để chiếm đoạt 4.000.000 đồng. Biết mình đã bị Trần Xuân N lừa đảo chiếm đoạt 4.000.000 đồng, ngày 12/11/2023 anh Tuấn đã làm đơn tố cáo hành vi phạm tội của Trần Xuân N đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ để điều tra xử lý.

Sau khi tiếp nhận tin báo tố giác về tội phạm, ngày 13/11/2023 Trần Xuân N đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đồng thời giao nộp chiếc máy tính xách tay là công cụ N sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Tại cơ quan cảnh sát điều tra, N khai nhận là ngoài hành vi Lừa đảo chiếm đoạt số tiền 4.000.000 đồng của anh Đỗ Trọng T, trong thời gian từ ngày 31/10/2023 đến ngày 08/11/2023, Trần Xuân N còn lừa đảo chiếm đoạt tiền của nhiều người ở nhiều tỉnh thành khác nhau với tổng số tiền chiếm đoạt là 16.500.000 đồng. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt đều được chuyển đến tài khoản số 19050069090018 của Ngân hàng Techcombank mang tên Nguyễn Đức T5.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã tiến hành sao kê tài khoản 19050069090018 Ngân hàng Techcombank mang tên Nguyễn Đức T5, từ ngày 31/10/2023 đến ngày 08/11/2023 thì có 12 giao dịch chuyển tiền đến với tổng số tiền là 20.500.000 đồng (bao gồm cả giao dịch của Đỗ Trọng T). Cơ quan cảnh sát điều tra đã điều tra, xác minh những người chuyển tiền đến tài khoản 19050069090018 với mục đích chuyển tiền để làm gì, có phải để mua bán số lô, số đề không, có sử dụng được số của N cấp để đánh bạc không. Kết quả:

1. Anh Nguyễn Bá T - sinh năm 1980, địa chỉ: Thôn Vọng Đông, xã Yên Trung, huyện Yên P, tỉnh Bắc Ninh chuyển 3.000.000 đồng đến tài khoản của

Nguyễn Đức T5 do Trần Xuân N quản lý, sử dụng, trong đó ngày 31/10/2023 chuyển 1.500.000 đồng, ngày 08/11/2023 chuyển 1.500.000 đồng. Mục đích là chuyển tiền hộ người khác, không nhớ ai nhờ chuyển tiền hộ.

2. Chị Phan Thu T1 - sinh năm 2003, địa chỉ: Số 65B, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội chuyển 500.000 đồng vào ngày 01/11/2023 đến tài khoản của Nguyễn Đức T5 do Trần Xuân N quản lý, sử dụng. Mục đích là chuyển tiền hộ người khác, không nhớ ai nhờ chuyển tiền hộ.

3. Chị Nguyễn Thị C - sinh năm 1972, địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội chuyển 1.500.000 đồng vào ngày 01/11/2023 đến tài khoản của Nguyễn Đức T5 do Trần Xuân N quản lý, sử dụng. Mục đích là chuyển tiền hộ người khác, không nhớ ai nhờ chuyển tiền hộ.

4. Anh Trần Anh Đ - sinh năm 1970, địa chỉ: Khu đô Thị Mỹ Trì Hạ, TDP 4, phường Mỹ Trì, quận N, thành phố Hà Nội chuyển 5.500.000 đồng đến tài khoản của Nguyễn Đức T5 do Trần Xuân N quản lý, sử dụng, trong đó ngày 06/11/2023 chuyển 1.500.000 đồng, ngày 08/11/2023 chuyển 4.000.000 đồng. Mục đích là chuyển tiền hộ người khác, không nhớ ai nhờ chuyển tiền hộ.

5. Anh Nguyễn Đức Phương - sinh năm 1988, địa chỉ: Xóm Q, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An chuyển 500.000 đồng vào ngày 06/11/2023 đến tài khoản của Nguyễn Đức T5 do Trần Xuân N quản lý, sử dụng. Mục đích là chuyển tiền hộ người khác, không nhớ ai nhờ chuyển tiền hộ.

6. Ông Lê Việt P - sinh năm 1958, địa chỉ: Số 386C1, khu vực 2, phường , quận N, TP.Cần Thơ chuyển 500.000 đồng vào ngày 06/11/2023 đến tài khoản của Nguyễn Đức T5 do Trần Xuân N quản lý, sử dụng. Mục đích là chuyển tiền hộ người khác, không nhớ ai nhờ chuyển tiền hộ.

7. Chị Phạm Thị H - sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện T Tín, thành phố Hà Nội, ngày 03/11/2023 đã chuyển 1.500.000 đồng đến tài khoản của Nguyễn Đức T5 do Trần Xuân N quản lý, sử dụng. Cơ quan cảnh sát điều tra đã xác minh, làm rõ tuy nhiên chị Phạm Thị H không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì chính quyền không rõ.

8. Anh Nguyễn Cao T3 - sinh năm 1995, địa chỉ: Số 616, Lầu 1, Trần Hưng Đạo, tổ dân phố 38, khu phố 6, phường 14, TP. Hồ Chí Minh, ngày 07/11/2023 chuyển 2.000.000 đồng vào tài khoản của Nguyễn Đức T5 do Trần Xuân N quản lý, sử dụng. Cơ quan cảnh sát điều tra đã xác minh, làm rõ nhưng anh Nguyễn Cao T3 không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì chính quyền không rõ.

9. Anh Trần Nhật V - sinh năm 1982, địa chỉ: Ấp Phước Hưng 1, xã P, huyện C, tỉnh Long An, ngày 31/10/2023 chuyển 1.500.000 đồng vào tài khoản của Nguyễn Đức T5 do N quản lý, sử dụng. Mục đích chuyển tiền là để N nhắn cho các số sau đó so với kết quả xổ số, nếu số của N nhắn mà trùng với số kết quả xổ số thì sẽ mua để đánh bạc dưới hình thức mua các số lô, đề nhưng sau

khi đối chiếu thấy không trùng nên V đã xóa liên hệ với zalo cung cấp số lô, số đề. Anh V không yêu cầu N trả lại 1.500.000 đồng.

Ngày 06/3/2024, Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Phú Thọ ra quyết định xử phạt hành chính số 03/QĐ-CSHS đối với Trần Xuân N về hành vi “Dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác”. Số tiền phạt là 3.000.000 đồng.

Ngày 13/5/2024, Trần Xuân N nộp 20.700.000 đồng (Hai mươi triệu bảy trăm nghìn đồng) tại Cục thi hành dân sự tỉnh Phú Thọ là số tiền trả lại cho người bị hại, số tiền thu lời bất chính để nộp vào ngân sách Nhà nước và tiền án phí.

Về tài sản của bị cáo: Ngoài đồ dùng sinh hoạt thiết yếu, bị cáo không có tài sản gì có giá trị.

Tại bản cáo trạng số 30/CT-VKPT-P2 ngày 08 tháng 4 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Trần Xuân N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ thườngay đổi, bổ sung cáo trạng đó là rút phần áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, bổ sung phần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đó là khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo ra đầu thú; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Những nội dung khác thì vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Xuân N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự

Tuyên bố bị cáo Trần Xuân N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Xuân N từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ 05 ngày tạm giữ (từ ngày 13/11/2023 đến ngày 18/11/2023, một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ), thời gian còn lại phải chấp hành từ 11 tháng 15 ngày đến 14 tháng 15 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Phú Thọ nhận được quyết định thi hành án đối với bị cáo.

Giao bị cáo Trần Xuân N cho UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Trần Xuân N có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ Thu nhập cho bị cáo Trần Xuân N. Buộc bị cáo Trần Xuân N phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04

giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 và khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Trần Xuân N phải trả lại cho anh Đỗ Trọng T 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Xác nhận bị cáo Trần Xuân N đã nộp 4.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ để trả lại cho anh Đỗ Trọng T (Theo biên lai Thu tiền số 000324 ngày 13/5/2024 của Cục thi hành dân sự tỉnh Phú Thọ).

Tịch Thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu ACER màu đen, số seri NHQEHSV00120707CCE3400 và 01 bộ sạc kèm theo máy tính (Máy tính đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, máy bị xước sạt nhẹ) của bị cáo Trần Xuân N do sử dụng thực hiện hành vi phạm tội (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/4/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ).

Tịch Thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 16.500.000 đồng (Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng) của bị cáo Trần Xuân N là số tiền do thực hiện hành vi phạm pháp luật mà có (Theo biên lai Thu tiền số 000324 ngày 13/5/2024 của Cục thi hành dân sự tỉnh Phú Thọ).

Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức Thu, miễn, giảm, Thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Xuân N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ở nhiều tỉnh khác nhau nên vụ án có tính chất phức tạp. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử vụ án là phù hợp với điểm c khoản 2 Điều 268 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Người bị hại và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, còn một người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt phiên tòa lần hai không có lý do. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử: Đã thực hiện đúng thẩm quyền; đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo N trí và không có ý kiến gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Hành vi thực hiện của bị cáo: Tại phiên toà bị cáo Trần Xuân N khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Để có tiền chi tiêu cá nhân nên Trần Xuân N đưa ra Thông tin gian dối để chiếm đoạt tài sản của một số người. Trần Xuân N sử dụng máy tính xách tay nhãn hiệu ACER để lập kênh Youtube “Caonhansohoc1” trên T1 mạng xã hội để quảng cáo về việc N biết trước và biết chính xác các số lô, số đề mở thưởng trong ngày, cam kết người mua sẽ trúng số lô, số đề. Kèm theo nội dung quảng cáo là số điện thoại của Trần Xuân N. Để thực hiện hành vi phạm tội, N sử dụng Zalo là “An Nguyễn” và “Triệu Yên Nhi” để trao đổi với người có nhu cầu mua số lô, số đề. Ngày 01/11/2023 anh Đỗ Trọng T đã chuyển cho N 4.000.000 đồng vào số tài khoản 19050069090018 của Nguyễn Đức T5 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam, số tài khoản này là N nhặt được của Nguyễn Đức T5 ở khu vực Đền Hùng, sau khi nhận được số tiền của anh Tuấn chuyển thì N chuyển số tiền này vào số tài khoản 8888199823456 của N và N nhắn tin bằng Zalo cho anh Tuấn các số 63 và số 26, khi nhận được số 63 và số 26 thì anh Tuấn mua các vé số có 2 số cuối trùng với số 63 và số 26 mà N đã cho, khi có kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc thì anh Tuấn so nhưng không trúng. Do không trúng nên anh Tuấn đã trao đổi với N thì N chặn liên lạc. Cũng bằng thủ đoạn như với anh Tuấn thì bị cáo còn chiếm đoạt 16.500.000 đồng của một số người khác.

Xét thấy lời khai nhận của bị cáo tại phiên toà là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra; Lời khai của người bị hại; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Vật chứng vụ án và các tài liệu khác lập lưu trong hồ sơ vụ án. Khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ nhưng vẫn đưa ra thông tin không đúng sự thật để người bị hại tin và chuyển tiền cho bị cáo sau đó chiếm đoạt. Số tiền bị cáo chiếm đoạt của anh Đỗ Trọng T là 4.000.000 đồng. Ngoài ra bị cáo còn chiếm đoạt tiền của một số người, trong đó anh Nguyễn Bá T chuyển cho bị cáo 2 lần với số tiền 4.500.000 đồng, anh Trần Anh Đ chuyển cho bị cáo 2 lần với số tiền 5.500.000 đồng nhưng anh T và anh Đ đều xác định số tiền này là của người khác nhờ chuyển hộ và không nhớ ai đã nhờ chuyển hộ; anh Nguyễn Cao T3 chuyển cho bị cáo 2.000.000 đồng nhưng hiện nay anh T3 không có mặt tại địa phương nên không làm rõ được việc chuyển tiền giữa anh T3 và bị cáo; còn những người chuyển tiền cho bị cáo với số tiền của mỗi người dưới 2.000.000 đồng, nhưng

một số người xác định số tiền này là do người khác nhờ chuyển hộ và không nhớ ai đã nhờ chuyển tiền, còn một số người hiện nay vắng mặt tại địa phương nên chưa làm rõ được việc chuyển tiền cho bị cáo. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội, bị cáo nhận thức được hành vi thực hiện là vi phạm pháp luật nên không tranh luận và bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Xuân N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tội phạm và hình phạt đối với bị cáo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự như sau:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng Thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) ...;

Bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền dưới 2.000.000 đồng của một số người khác, Công an tỉnh Phú Thọ đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với bị cáo là phù hợp.

Trong vụ án này cháu Nguyễn Đức T5 là người mở tài khoản tại Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam nhưng bị mất số tài khoản và mật khẩu sau đó không đề nghị Ngân hàng khóa tài khoản, khi bị cáo nhật được chiếc điện thoại của cháu T5 thì bị cáo biết số tài khoản và mật khẩu của cháu Trí nên đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Việc bị cáo sử dụng tài khoản của cháu T5 thì cháu T5 không biết. Vì vậy, không xử lý trách nhiệm hình sự đối với cháu T5 trong vụ án này.

[3] Tính chất vụ án: Xét thấy tính chất vụ án thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã gây mất trật tự trị an xã hội và gây hoang mang trong Nhân dân. Vì vậy, đưa bị cáo ra xét xử và có hình phạt mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người, trong đó bị cáo chiếm đoạt của anh Đỗ Trọng T 4.000.000 đồng, số tiền chiếm đoạt còn lại không xác định được người bị hại và người chuyển tiền cho bị cáo hiện không có mặt tại địa phương nên không làm rõ được việc chuyển tiền cho bị cáo. Mặc dù cáo trạng truy tố bị cáo với tình tiết tăng nặng là phạm tội 2 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự nhưng tại phiên tòa đại diện Kiểm sát đã rút một phần truy tố về áp dụng tình tiết tăng nặng này. Vì vậy, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo trả lại tiền cho người bị hại và nộp

lại toàn bộ số tiền thu lời bất chính; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo ra đầu thú; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được H các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy nhân thân của bị cáo là tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, chỉ cần xử phạt cải tạo không giam giữ và có sự giám sát của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Đại diện Viện kiểm sát căn cứ các quy định của pháp luật, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ là phù hợp.

[5] Khấu trừ Thu nhập: Xét thấy bị cáo là người lao động tự do, thu nhập khoảng 3.000.000 đồng/1 tháng nhưng không ổn định. Vì vậy, miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[6] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị phạt một khoản tiền để sung quỹ Nhà nước, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định. Xét thấy bị cáo không có tài sản gì và là người lao động tự do, đại diện Viện kiểm sát đề nghị miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp. Vì vậy, miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự:

Xét thấy chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu ACER và 01 bộ sạc kèm theo máy tính là của bị cáo đã sử dụng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO làm phương tiện phạm tội nhưng bị cáo đã làm mất nên không thu giữ được. Vì vậy, không giải quyết chiếc điện thoại này.

Anh T chuyển cho bị cáo 4.000.000 đồng bằng tài khoản nhưng số tiền này là anh T nhờ anh T chuyển cho bị cáo sau đó anh T trả 4.000.000 đồng cho anh T bằng tiền mặt. Như vậy, bị cáo đã chiếm đoạt 4.000.000 đồng của anh T nên bị cáo phải trả lại anh T 4.000.000 đồng. Bị cáo đã nộp số tiền này tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ để trả lại cho anh T nên xác nhận bị cáo đã trả tiền xong.

Đối với anh T, anh V, chị T1, chị C, anh Đ, anh P, ông P, chị H và anh T3 là những người đã chuyển tiền bằng tài khoản cho bị cáo nhưng anh T, chị T1, chị C, anh Đ, anh P và ông P đều xác định số tiền này do người khác nhờ chuyển hộ, không nhớ ai là người đã nhờ chuyển hộ tiền, còn chị H và anh T3 hiện nay vắng mặt tại địa phương nên không làm rõ được việc chuyển tiền cho bị cáo; anh V chuyển cho bị cáo 1.500.000 đồng nhưng anh V không đề nghị bị cáo trả lại số tiền này. Tại phiên tòa bị cáo xác định số tiền anh T, anh V, chị

T1, chị C, anh Đ, anh P, anh P, chị H và anh T3 đã chuyển cho bị cáo là do vi phạm pháp luật mà có nên bị cáo tự nguyện nộp 16.500.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Vì vậy, tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 16.500.000 đồng của bị cáo. Sau khi xét xử mà xảy ra tranh chấp về số tiền chị H, anh T3 đã chuyển cho bị cáo thì giải quyết bằng vụ án hình sự hoặc dân sự khác nếu có yêu cầu.

Cháu Nguyễn Đức T5 mở tài khoản tại Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam, số tài khoản 19050069090018 nhưng bị mất, bị cáo N nhặt được và đã sử dụng tài khoản này để thực hiện hành vi phạm tội. Cháu T5 không đề nghị giải quyết về số tiền giao dịch phát sinh trong tài khoản nên không giải quyết. Đối với chiếc điện thoại di động và thẻ Ngân hàng của cháu T5 bị mất, sau khi bị cáo N nhặt được thì một thời gian sau đã làm mất, cháu T5 không đề nghị bị cáo N trả lại chiếc điện thoại và thẻ Ngân hàng nên không giải quyết.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo phải chịu án phí hình sự. Bị cáo đã nộp số tiền tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ nên xác nhận bị cáo đã nộp xong tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự

2. Tuyên bố bị cáo Trần Xuân N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

3. Xử phạt bị cáo Trần Xuân N 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ 05 ngày tạm giữ (từ ngày 13/11/2023 đến ngày 18/11/2023, một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ), thời gian còn lại phải chấp hành là 11 (Mười một) tháng 15 (Mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Phú Thọ nhận được quyết định thi hành án đối với bị cáo.

Giao bị cáo Trần Xuân N cho UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Trần Xuân N có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

4. Miễn khấu trừ Thu nhập cho bị cáo Trần Xuân N. Buộc bị cáo Trần Xuân N phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

5. Hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

6. Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 và khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Trần Xuân N phải trả lại cho anh Đỗ Trọng T 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Xác nhận bị cáo Trần Xuân N đã nộp 4.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ để trả lại cho anh Đỗ Trọng T (Theo biên lai Thu tiền số 000324 ngày 13/5/2024 của Cục thi hành dân sự tỉnh Phú Thọ).

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu ACER màu đen, số seri NHQEHSV00120707CCE3400 và 01 bộ sạc kèm theo máy tính (Máy tính đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, máy bị xước sát nhẹ) của bị cáo Trần Xuân N do sử dụng thực hiện hành vi phạm tội (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/4/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ).

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 16.500.000 đồng (Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng) của bị cáo Trần Xuân N là số tiền do thực hiện hành vi phạm pháp luật mà có (Theo biên lai Thu tiền số 000324 ngày 13/5/2024 của Cục thi hành dân sự tỉnh Phú Thọ).

7. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức Thu, miễn, giảm, Thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Xuân N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm (Xác nhận bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 000324 ngày 13/5/2024 của Cục thi hành dân sự tỉnh Phú Thọ).

8. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày giao bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp Cao;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Khắc Chiên

